

Số: 105/2026/QĐST-DS

Quảng Trị, ngày 20 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 201/2026/TLST - DS ngày 08 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1)**; địa chỉ: **H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội**; mã số doanh nghiệp: 0100233583.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị Nhật L** – Chuyên viên xử lý nợ thuộc **Ngân hàng Thương mại cổ phần V (Văn bản ủy quyền số: 1789.07/2026/UQ-KHCN4-RCC4 ngày 10/4/2026)**.

- Bị đơn: ông **Trần Thanh L1**, sinh năm 1982; số CCCD: 035082006211; địa chỉ: **Khu phố C, (Phường B cũ), phường Q, tỉnh Quảng Trị (Nay là Khu phố T, phường Q, tỉnh Quảng Trị)**.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ:

Ông **Trần Thanh L1** phải trả cho **Ngân hàng TMCP V** tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 10/7/2026 là: 869.302.362 đồng (Bằng chữ: tám trăm sáu mươi chín triệu, ba trăm linh hai nghìn, ba trăm sáu mươi hai đồng), bao gồm: nợ gốc là 307.026.697 đồng; nợ lãi là 562.275.665 đồng theo các hợp đồng tín dụng:

+ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ **ngân hàng Đ** 2101283350372 ngày 27/01/2021 còn nợ là 450.136.893 đồng (bao gồm: nợ gốc là 155.022.625 đồng; nợ lãi trong hạn là: 4.427.733; nợ lãi quá hạn là 290.686.535 đồng);

+ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ **ngân hàng Đ** LN2112214940542 ngày 21/12/2021 còn nợ là 249.923.932 đồng (bao gồm: nợ gốc là 86.216.536 đồng; nợ lãi trong hạn là: 2.645.600; nợ lãi quá hạn là 161.061.796 đồng);

+ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ **ngân hàng Đ** LN2207086183021 ngày 13/7/2022 còn nợ là 169.241.536 đồng (bao gồm: nợ gốc là 65.787.536 đồng; nợ lãi trong hạn là: 1.320.473; nợ lãi quá hạn là 102.133.527 đồng);

Kể từ ngày 11/7/2026 cho đến khi trả xong tất cả các khoản nợ, ông **Trần Thanh L1** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải trả theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ **ngân hàng Đ**; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ **ngân hàng Đ** và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ **ngân hàng Đ** đã được ký kết giữa **Ngân hàng TMCP V** và ông **Trần Thanh L1** nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2.2. Về án phí:

- Ông **Trần Thanh L1** thỏa thuận chịu 19.039.535 đồng (mười chín triệu không trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm ba mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho **Ngân hàng TMCP V (V1)** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.090.000 đồng (mười lăm triệu không trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002069 ngày 07 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND KV6 – Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Tổ HC- TP.

THẨM PHÁN

Phan Đăng Khoa